

Phụ lục số IV
BÁO CÁO VỀ SỞ HỮU CỦA CỔ ĐÔNG LỚN
Appendix IV
MAJOR SHAREHOLDER REPORT ON OWNERSHIP RATIO

(Ban hành kèm theo Thông tư số .../2012/TT-BTC ngày ... tháng ... năm 2012 của
 Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)
 (Promulgated together with circular .../2012/TT-BTC dated ... month... 2012 of the Ministry of
 Finance providing guidelines on public information disclosure on stock exchanges)

Tên cá nhân/tổ chức
 Name of individual/organization

David O'Neil

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness

Số:

No:

... ngày 13... tháng 7... năm 2012...
 ... 13... July... 2012.

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH **BÁO CÁO VỀ SỞ HỮU CỦA CỔ ĐÔNG LỚN**
TP. HO CHI MINH MAJOR SHAREHOLDER REPORT ON OWNERSHIP RATIO

ĐẾN	Số: 23848
	Giới: Ngày 17/7/12

To:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- State Securities Commission
- Sở Giao dịch Chứng khoán
- Stock Exchange
- Công ty cổ phần Bất Động Sản Du lịch Ninh Vân Bay
- Ninh Van Bay real Estate JSC

I. Cá nhân/tổ chức đầu tư: David O'Neil

I. Name of investor (individual/organization): David O'Neil

* Trường hợp là nhà đầu tư cá nhân:

In the event that the investor is an individual

- Họ và tên: David O'Neil

Individual name: David O'Neil

- Quốc tịch: New Zealand

- Năm sinh:

Nationality: New Zealand

Year of birth

- Số CMND/Hộ chiếu

ngày cấp:

nơi cấp:

Passport Number

on

Issued by

MP

- Nghề nghiệp: Quản lý quỹ

Job: Fund Manager

- Địa chỉ liên lạc:

Registered address:

- Điện thoại:

Fax: Email:

Telephone No :

Fax:

Email:

2. Người có liên quan (đang nắm giữ cùng loại cổ phiếu/ chứng chỉ quỹ):

2. Related person(s) (currently holding the same stock/fund certificates):

- Họ và tên cá nhân/tổ chức có liên quan: Asean Small Cap Fund

Name of related individual/ organization: Asean Small Cap Fund

- Số chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Enterprise Registration Certificate No: 9506.....

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng/ công ty quản lý quỹ (nếu có): Giám đốc

Current position at public company / Fund Management Company: Director

- Mối quan hệ với cá nhân/tổ chức đầu tư: Giám đốc/Nhà đầu tư

The relationship with individual/

3. Tên cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/mã chứng khoán và lưu: NVT

3. Name of the stock/fund certificate/security code owned by the investor: NVT

4. Số tài khoản giao dịch cổ phiếu nêu tại mục 3:

Tại công ty chứng khoán:

Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh (HSC)

4. Account number with the stocks as mentioned in item 3 above

at Securities

Company: HSC

5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch: 1,298,980

5. Amount/ratio of stocks/fund certificates held by the investor prior to the transaction: 1,298,980

6. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đã mua/bán: 809,170

6. Amount of stocks/fund certificates purchased: 809,170

7. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch: 2,108,150

7. Amount/ratio of stocks/fund certificates held by the investor after transaction: 2,108,150

DP

8. Ngày giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu và trở thành cổ đông lớn: Ngày 9 tháng 7 năm 2012
8. *Transaction date (on which the ownership proportion has changed and the investor became a major shareholder): 9th July 2012*

9. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ người có liên quan đang nắm giữ: 1,314,270
9. *Amount/ratio of stocks/fund certificates currently held by the related person(s): 1,314,270*

10. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ cùng người có liên quan nắm giữ sau khi giao dịch:
3,422,420 hay 5.66%
10. *Amount/ratio of stocks/fund certificates held together with the related person(s) after the transaction: 3,422,420 or 5.66%*